**A. GIỚI THIỆU LUẬN ÁN**

# 1. Phần mở đầu

Nền giáo dục hiện đại ngày nay luôn hướng tới mục đích phát triển học sinh (HS) một cách toàn diện, có đạo đức tốt, nhân cách tốt, có văn hóa và kĩ năng (KN). Ở lứa tuổi HS trung học phổ thông (THPT), các em có nhiều thay đổi rõ rệt về cơ thể, tâm sinh lý, tình cảm và các mối quan hệ xã hội, đặc biệt ở độ tuổi HS THPT, các em vừa mong muốn được công nhận mình là người lớn, vừa mâu thuẫn với nhận thức xã hội chưa đạt mức độ của một người trưởng thành, do đó có rất nhiều KN thuộc nhóm KN thực hành xã hội (THXH) phải được trang bị cho các em. Mặt khác, những KN THXH không chỉ có ảnh hưởng lớn, phục vụ cho hoạt động học tập, đời sống HS THPT mà còn là nền tảng hành trang để HS bước vào học tập ở môi trường bậc cao hơn cũng như công việc về sau.

Như vậy có thể thấy trong cuộc sống hiện đại với môi trường sống, học tập, làm việc ngày càng năng động, nhiều sức ép và cạnh tranh gay gắt thì ngoài kiến thức chuyên môn, mỗi người cần trang bị cho mình những yếu tố không thể thiếu đó chính là KN THXH và một sức khỏe cường tráng. Các yếu tố này càng quan trọng đối với HS nói chung và đặc biệt là HS THPT nói riêng.

Kiến thức chuyên môn, KN THXH và sức khỏe là những yếu tố quan trọng không thể thiếu đối với thành công của một con người. Chúng có liên quan hay ảnh hưởng gì với nhau, làm thế nào để tìm ra những giải pháp tốt nhất để kết hợp hiệu quả việc giáo dục các yếu tố này trong công tác xây dựng và phát triển toàn diện con người mới xã hội chủ nghĩa là một vấn đề hết sức cấp thiết cần giải quyết.

Từ những lý do trên, đề tài: **“Tích hợp phát triển kĩ năng thực hành xã hội cho học sinh thông qua tiết học thể dục tại một số trường trung học phổ thông ở Thành phố Hồ Chí Minh”** đã được xác lập.

# Mục đích nghiên cứu

Từ những điểm tương đồng giữa KN THXH và KN, KX vận động trong quá trình học tập môn thể dục. Luận án tiến hành tích hợp phát triển KN THXH cho HS thông qua tiết học thể dục tại một số trường THPT ở thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM), nhằm góp phần hướng đến phát triển toàn diện con người mới xã hội chủ nghĩa.

 **Mục tiêu nghiên cứu**

Để đạt được mục đích nêu trên, luận án sẽ tập trung giải quyết những mục tiêu cụ thể sau:

***Mục tiêu 1:*** Đánh giá thực trạng việc tích hợp phát triển KN THXH cho HS thông qua tiết học thể dục tại một số trường THPT ở TP.HCM.

***Mục tiêu 2:*** Xây dựng các bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho HS thông qua tiết học thể dục tại một số trường THPT ở TP.HCM.

***Mục tiêu 3:*** Đánh giá hiệu quả của các bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho HS thông qua tiết học thể dục tại một số trường THPT ở TP.HCM.

# 2. Giả thuyết khoa học

# KN THXH có một vai trò đặc biệt quan trọng đối với học sinh THPT, các KN này có nhiều điểm tương đồng với KN, KX vận động của HS trong tiết học GDTC và là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả dạy học phát triển phẩm chất, năng lực HS theo tinh thần chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đang được thực hiện tại các trường THPT. Tuy mức độ đạt được KN THXH của HS THPT hiện nay đang ở mức bình thường nhưng chưa được phát triển đồng đều từng kĩ năng riêng lẻ. Nó được hình thành và phát triển qua nhiều con đường khác nhau, trong đó có thực hiện qua tiết học GDTC tại trường phổ thông.

# Công tác tích hợp phát triển KN THXH cho HS THPT qua môn GDTC cũng chưa được các đơn vị trường THPT xác định là một nhiệm vụ chính yếu so với khả năng ứng dụng của môn học này để phát triển KN THXH cho HS. Vì vậy nếu xây dựng các bài tập tích hợp phát triển các KN THXH một cách tích cực, hiệu quả thì ngoài việc nâng cao khả năng thực hiện hiệu quả các KN THXH trong cuộc sống còn có thể nâng cao kết quả học tập môn GDTC nói riêng của HS trong nhà trường, góp phần xây dựng và phát triển con người toàn diện.

**3. Những đóng góp mới của luận án**

1. Luận án đã xác định rõ 03 kĩ năng (KN) quản lí cảm xúc (QLCX), giải quyết vấn đề (GQVĐ), làm việc nhóm (LVN) có liên quan với việc phát triển kĩ năng kĩ xảo vận động trong nội dung dạy học của tiết Thể dục. Vì vậy khi tích hợp phát triển các KN thực hành xã hội (THXH) này trong tiết học thể dục sẽ khá phù hợp và có điều kiện thuận lợi để phát triển tốt. Đây là một vấn đề chưa có những nghiên cứu một cách hệ thống, hoàn chỉnh nên kết quả của luận án đã góp phần giúp việc rèn luyện KN THXH của học sinh trong tiết học thể dục gắn với thực tế hơn. Từ đó giúp học sinh phát triển các phẩm chất và năng lực cần thiết, giải quyết có hiệu quả các vấn đề trong học tập và trong cuộc sống.

2. Luận án đã xác định chính xác thực trạng tích hợp KN THXH trong tiết học Thể dục (sự quan tâm, mức độ hiểu biết của học sinh và giáo viên, đặc biệt là mức độ của học sinh trong từng KN). Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng, giúp ta có cái nhìn tổng quát nhất về 03 KN QLCX, GQVĐ, LVN của học sinh. Từ đó làm cơ sở đánh giá chính xác hiệu quả của các bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho HS thông qua tiết học thể dục tại một số trường THPT ở TP.HCM.

3. Việc xây dựng được 15 bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho học sinh thông qua tiết học thể dục tại một số trường trung học phổ thông ở thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện theo một quy trình chuyên nghiệp và chặt chẽ, đảm bảo đúng và đủ những vấn đề về chuyên môn, đảm bảo tính khách quan và được đa số các chuyên gia ủng hộ. Đối với việc tích hợp vào trong tiết học thể dục thì đây là một trong những sự ứng dụng đầu tiên các bài tập này nhằm phát triển KN THXH cho HS.

4. Quá trình triển khai thực nghiệm một cách nghiêm ngặt và tuân thủ các yêu cầu chính đáng, cụ thể đã thu được kết quả tích cực như sau:

- Các nhận định của HS về sự cần thiết, hiệu quả, khả thi của việc tích hợp phát triển KN THXH vào trong tiết học thể dục và mức độ các KN QLCX, GQVĐ, LVN của HS đều có sự tiến bộ rõ rệt từ mức độ “trung bình”, “khá” lên thành “tốt”.

- Kết quả đánh giá của GV cũng cho thấy sự tăng trưởng này, cụ thể là từ mức “yếu”, “trung bình” lên thành “khá”.

Tất cả sự khác biệt này đều có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất p<0.05 và p<0.001. Có thể thấy được với kết quả thực nghiệm này, mức độ các KN QLCX, GQVĐ, LVN của HS đã có sự cải thiện đáng kể góp phần hoàn thiện việc giáo dục toàn diện học sinh trong đó chú trọng phát triển các năng lực theo xu hướng giáo dục trong thời đại mới.

 **4. Cấu trúc luận án**

 Luận án được trình bày trên 144 trang A4, bao gồm các phần: Đặt vấn đề (05 trang); Chương 1: Tổng quan vấn đề nghiên cứu (51 trang); Chương 2: Phương pháp và tổ chức nghiên cứu (12 trang); Chương 3: Kết quả nghiên cứu và bàn luận (73 trang); Kết luận và kiến nghị (03 trang). Luận án có 35 bảng, 05 biểu đồ, 06 hình vẽ. Luận án sử dụng 65 tài liệu tham khảo (47 tài liệu tiếng Việt, 17 tài liệu tiếng Anh, 01 tài liệu tiếng Đức) và phần phụ lục.

**B. NỘI DUNG CỦA LUẬN ÁN**

**Chương 1**

**TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU**

1.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về GDTC

1.2. Công tác GDTC cho HS THPT ở Việt Nam

1.3. Cấu trúc giờ học Thể dục

*1.3.1. Phần chuẩn bị*

*1.3.2. Phần cơ bản*

*1.3.3. Phần kết thúc*

1.4. Đặc điểm tâm lý HS THPT

1.4.1. Sự phát triển của tính tự trọng

1.4.2. Đời sống xúc cảm, tình cảm

1.4.3. Nhu cầu được tôn trọng

1.5. Một số lý luận khái quát về dạy học tích hợp

1.5.1. Định nghĩa “tích hợp”

1.5.2. Định nghĩa “dạy học tích hợp”

1.5.3. Đặc điểm của dạy học tích hợp

1.5.3.1. Dạy học lấy người học làm trung tâm

1.5.3.2. Chương trình dạy học định hướng kết quả đầu ra

1.5.3.3. Dạy học các năng lực thực hiện

1.5.4. Các mức độ tích hợp trong chương trình giáo dục phổ thông

1.5.4.1. Truyền thống

1.5.4.2. Kết hợp

1.5.4.3. Tích hợp nội môn

1.5.4.4. Tích hợp đa môn

1.5.4.5. Tích hợp liên môn

1.5.4.6. Tích hợp xuyên môn

1.5.5. Vai trò của dạy học tích hợp

1.5.5.1. Dạy học tích hợp góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện của nhà trường phổ thông

1.5.5.2. Dạy học tích hợp tăng cường mối liên hệ giữa các tri thức khoa học

1.5.5.3. Dạy học tích hợp góp phần giảm tải nội dung học tập cho HS

1.5.5.4. Dạy học tích hợp góp phần rèn luyện KN và phát triển năng lực người học

1.6. KN THXH và rèn luyện KN THXH cho HS THPT

1.6.1. Khái quát về KN THXH

1.6.1.1. Định nghĩa KN THXH

1.6.1.2. Đặc điểm của KN THXH

1.6.1.3. Phân loại KN THXH

1.6.2. Các KN THXH cần có của HS THPT

1.6.2.1. KN quản lý cảm xúc

1.6.2.2. KN giải quyết vấn đề

1.6.2.3. KN làm việc nhóm

***1.6.3. Tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của luận án trong và ngoài nước***

*1.6.3.1. Về KN THXH tiêu biểu là các đề tài*

*1.6.3.2. Về Dạy học tích hợp tiêu biểu là các đề tài*

# Chương 2

# ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

## 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho HS thông qua tiết học thể dục tại một số trường THPT ở TP.HCM.

**Khách thể nghiên cứu**

Khách thể TN là 400 HS THPT chuyên Lê Hồng Phong, THPT Nguyễn Du, THPT Lê Quý Đôn, Trung học Thực hành Đại học Sư phạm TP. HCM.

Khách thể phỏng vấn là 32 GV và 35 chuyên gia am hiểu và có chuyên môn sâu về Giáo dục học, Tâm lý học, GDTC đang công tác tại các trung tâm nghiên cứu và các trường THPT, Cao đẳng, Đại học.

**2.2. Phương pháp nghiên cứu**

Để giải quyết mục tiêu nghiên cứu đã đề ra, đề tài áp dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

*2.2.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu*

*2.2.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi (phỏng vấn)*

*2.2.3. Phương pháp thực nghiệm (TN) Sư phạm*

*2.2.4. Phương pháp toán học thống kê*

*2.2.5. Phương pháp chọn mẫu*

**2.3. Kế hoạch nghiên cứu**

Luận án được tiến hành nghiên cứu trong thời gian từ tháng 01/2016 đến tháng 11/2023, chia làm 5 giai đoạn.

# Chương 3

# KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1. Đánh giá thực trạng việc tích hợp phát triển KN THXH cho HS thông qua tiết học thể dục tại một số trường THPT ở TP.HCM

3.1.1. Phương pháp và cách thức tổ chức đánh giá thực trạng

Để đánh giá thực trạng việc dạy học tích hợp KN THXH trong tiết học thể dục tại một số trường phổ thông ở TP.HCM, luận án đã sử dụng phối hợp các phương pháp nghiên cứu khác nhau, trong đó phương pháp điều tra bằng bảng hỏi (phỏng vấn) là phương pháp chủ đạo, các phương pháp nghiên cứu còn lại là các phương pháp bổ trợ.

3.1.2. Thực trạng dạy học tích hợp KN THXH trong tiết học thể dục tại các trường THPT hiện nay

Trong những năm gần đây, việc dạy học tích hợp ngày càng được quan tâm nhiều hơn, đặc biệt là khi chương trình giáo dục phổ thông mới năm 2018 được ban hành có nhiều nội dung dạy học tích hợp. Tuy nhiên khi HS được hỏi về việc dạy học tích hợp thì đa số HS cho rằng mình chưa được tiếp cận nhiều, đặc biệt là trong tiết học thể dục.

**Bảng 3.1. Thực trạng dạy tích hợp KN THXH trong tiết thể dục**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Tần số** | **Phần trăm** |
| HS thường xuyên được dạy tích hợp | 31 | 7.9 % |
| HS có được dạy tích hợp | 47 | 11.9 % |
| HS thỉnh thoảng được dạy tích hợp | 53 | 13.5 % |
| HS không bao giờ được dạy tích hợp | 154 | 39.2 % |
| HS không biết rõ | 108 | 27.5 % |
| Tổng | **393** | **100 %** |



**Biểu đồ 3.1. Tỷ lệ HS được dạy tích hợp KN THXH trong tiết thể dục**

Kết quả khảo sát theo bảng trên cho thấy còn nhiều HS chưa biết rõ về dạy tích hợp là như thế nào và mình có được dạy học tích hợp không, cụ thể là có 108 HS không biết rõ về dạy học tích hợp chiếm tỉ lệ 27.5 %. Tỷ lệ HS được học trong các lớp mà GV có sử dụng phương pháp dạy học tích hợp trong tiết thể dục chỉ chiếm 11.9 %, trong khi đó có 154 HS (chiếm tỷ lệ 39.2 %) cho biết mình chưa bao giờ được học theo phương pháp dạy học tích hợp nhiều nội dung trong một tiết học thể dục, đặc biệt là nội dung KN THXH thì hầu như không được học. Một số HS khác lại cho rằng cũng có lúc được học các nội dung KN THXH tích hợp trong bài dạy của GV, lúc thì chỉ học nội dung thể dục, tỷ lệ này chiếm 13.5 %.

Kết quả phỏng vấn GV cũng tương tự khi có 3/4 GV được hỏi cho biết không có sử dụng phương pháp dạy học tích hợp nội dung KN THXH trong tiết thể dục, Thầy N.H.H cho biết không đủ thời gian để tích hợp thêm nội dung khác vì như vậy sẽ không có thời gian cho các em thực hành nội dung bài học chuyên môn, đây mới là phần quan trọng nhất của giáo án. Thầy H.I.B thì thừa nhận do chưa biết nhiều về phương pháp dạy học tích hợp nên không biết dạy như thế nào cho nên không có sử dụng trong tiết dạy học của mình.

3.1.3. Thực trạng nhận thức của HS và GV về vai trò và sự cần thiết của việc dạy học tích hợp nội dung KN THXH trong tiết học thể dục

**Bảng 3.2. Nhận thức của HS về vai trò và sự cần thiết của việc dạy học tích hợp nội dung KN THXH trong tiết học thể dục**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mức độ** | **Tỷ lệ % (n = 393)** |
| ***Vai trò*** | ***Sự cần thiết*** |
| 1 | Rất quan trọng | 20 % | 20 % |
| 2 | Quan trọng | 50 % | 70 % |
| 3 | Có cũng được, không cũng được | 30 % | 10 % |
| 4 | Không quan trọng | 0 % | 0 % |
| 5 | Hoàn toàn không quan trọng | 0 % | 0 % |
| **Điểm trung bình** | 3.9 | 4.1 |

Về nhận thức của HS đối với vai trò của KN THXH, kết quả khảo sát cho thấy, HS cho rằng KN THXH có vai trò “quan trọng” đối với sự thành công của con người với điểm trung bình là 3.9 và sự cần thiết là 4.1, điều này cho thấy HS đã ý thức khá rõ ràng và đầy đủ về vai trò của KN THXH. Tiến hành phỏng vấn ngẫu nhiên HS cũng đã thu được những dữ liệu mang tính tương thích.

Khi được hỏi về vai trò của KN THXH đối với sự thành công của con người nói chung và HS nói riêng, các GV cũng đồng tình cho rằng KN THXH có vai trò quan trọng đối với HS. Đa số các GV được hỏi đều đánh giá cao tầm quan trọng của KN THXH đối với hoạt động học tập trong của HS và ứng dụng trong cuộc sống sau này.

3.1.4. Thực trạng một số KN THXH của HS ở các trường THPT

3.1.4.1. Nhận thức và những hiểu biết về KN QLCX ở HS

Kết quả khi khảo sát về nhận thức của HS đối với KN QLCX như sau:

**Bảng 3.3. Thực trạng KN Quản lý cảm xúc của học sinh**

**trong tiết thể dục ở một số trường THPT tại TP.HCM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Tần số** | **Phần trăm** |
| **Kĩ năng quản lý cảm xúc là** |
| Khả năng hiểu được cảm xúc của bản thân. | 31 | 4.8 % |
| Khả năng con người tự nhận biết và tự điều chỉnh, điều khiển cảm xúc bản thân. | 47 | 58.1 % |
| Khả năng điều khiển được cảm xúc của bản thân. | 53 | 13.2 % |
| Khả năng hiểu được cảm xúc của bản thân và người khác để có cách ứng xử phù hợp.  | 154 | 23.9 % |
| Tổng | 393 | 100 % |
| **Yêu cầu khi quản lý cảm xúc là** |
| Phải hiểu rõ cảm xúc của bản thân. | 46 | 11.7 % |
| Phải nhận biết được hậu quả của cảm xúc để điều chỉnh kịp thời. | 63 | 16 % |
| Phải nhận biết được cảm xúc để có sự điều chỉnh kịp thời, phù hợp.  | 217 | 55.2 % |
| Phải có đủ bản lĩnh mới có thể kềm chế được cảm xúc của bản thân.  | 67 | 17.1 % |
| Tổng | **393** | **100 %** |

Như vậy, mới chỉ có hơn một nửa số HS nhận thức đầy đủ về khái niệm KN QLCX và những yêu cầu đối với KN QLCX. Đây là một tỷ lệ khá khiêm tốn đòi hỏi các đơn vị, cá nhân công tác trong lĩnh vực giáo dục phải quan tâm để trang bị thêm về lý luận KN THXH nói chung và KN QLCX nói riêng cho HS.

3.1.4.2. Nhận thức và những hiểu biết về KN GQVĐ của HS

Luận án đã đưa ra bốn định nghĩa khác nhau để HS lựa chọn một trong bốn đáp án đó. Kết quả thu được là:

**Bảng 3.4. Thực trạng KN Giải quyết vấn đề của học sinh**

**trong tiết thể dục ở một số trường THPT tại TP.HCM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Tần số** | **Phần trăm** |
| **Kĩ năng giải quyết vấn đề (GQVĐ) là** |
| Những cách thức khác nhau để giúp chủ thể xử lý một vấn đề nào đó phát sinh trong nhiều hoàn cảnh khác nhau của cuộc sống hàng ngày của mỗi con người. | 24 | 6.1 % |
| Giải quyết những vấn đề nảy sinh trong đời sống hàng ngày dựa trên những kinh nghiệm, tri thức mà mỗi chủ thể học hỏi được và thể hiện bằng những hành động cụ thể. | 95 | 24.1 % |
| Giải quyết có kết quả những vấn đề nảy sinh trong hoạt động hàng ngày bằng cách ứng dụng đúng đắn những thao tác, hành động dựa trên tri thức, kinh nghiệm chủ thể. | 87 | 22.2 % |
| Việc áp dụng những tri thức và kinh nghiệm của chủ thể để giải quyết những vấn đề phát sinh trong từng hoàn cảnh khác nhau của đời sống một cách hiệu quả. Nên chọn 1 KN bắt chước còn lại 2 KN nên làm khác. | 187 | 47.6 % |
| Tổng | 393 | 100 % |
| **Các bước của quá trình GQVĐ lần lượt là** |
| Nhận ra vấn đề; Xác định “chủ” của vấn đề; Hiểu vấn đề; Chọn giải pháp; Thực hiện; Theo dõi và đánh giá. | 123 | 31.3 % |
| Nhận ra vấn đề; Hiểu vấn đề; Chọn giải pháp; Xác định “chủ” của vấn đề; Thực hiện; Theo dõi và đánh giá. | 50 | 12.7 % |
| Hiểu vấn đề; Nhận ra vấn đề; Xác định “chủ” của vấn đề; Chọn giải pháp; Thực hiện; Theo dõi và đánh giá. | 101 | 25.7 % |
| Hiểu vấn đề; Nhận ra vấn đề; Chọn giải pháp; Xác định “chủ” của vấn đề; Thực hiện; Theo dõi và đánh giá. | 119 | 30.3 % |
| **Tổng** | **393** | **100 %** |

Nhìn vào câu trả lời của HS có thể thấy rằng sự phân bố khá đều. Trong số bốn đáp án của đề tài, mỗi đáp án đều có những khía cạnh đúng nhưng chỉ có một đáp án là chính xác, đầy đủ và trọn vẹn. Đó là đáp án thứ ba, được 22.2 % HS lựa chọn. Trên thực tế thì chưa tới 1/3 HS được khảo sát lựa chọn đúng đáp án. Điều này cũng chứng tỏ rằng, nhận thức của HS về khái niệm KN GQVĐ vẫn còn nhiều hạn chế.

Kết quả khảo sát cho thấy, có 31.3% - tức là khoảng 1/3 HS nắm được các quy trình GQVĐ. Đây là một con số hết sức khiêm tốn và cần phải quan tâm bởi khi không nắm chắc quy trình GQVĐ thì HS sẽ khó có thể GQVĐ một cách hiệu quả.

3.1.4.3. Nhận thức và những hiểu biết về KN LVN của HS

**Bảng 3.5. Thực trạng KN Làm việc nhóm của học sinh**

**trong tiết thể dục ở một số trường THPT tại TP.HCM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Tần số** | **Phần trăm** |
| **Kĩ năng làm việc nhóm là** |
| Khả năng làm việc với người khác để thực hiện một nhiệm vụ nào đó.  | 7 | 1.8 % |
| Khả năng hợp tác cùng với các thành viên khác trong nhóm để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chung của nhóm. | 265 | 67.5 % |
| Khả năng làm việc chung với người khác một cách hiệu quả. | 44 | 11.2 % |
| Khả năng thấu hiểu người khác để hợp tác với họ cùng nhau giải quyết một vấn đề nào đó phát sinh trong thực tiễn. | 77 | 19.5 % |
| **Tổng** | **393** | **100 %** |

Có lẽ, do KN LVN đã trở nên khá quen thuộc với HS thông qua các hoạt động học tập và hoạt động phong trào nên đa phần HS (67.5 %) đã có nhận thức đúng đắn về khái niệm KN LVN. Điều này cũng chứng tỏ rằng HS đã hiểu được bản chất của LVN.

Một tâm lý khá phổ biến trong HS, đó là không dễ bắt đầu làm việc chung với người khác. Điều này có nguyên nhân từ quá trình giáo dục gia đình, giáo dục của nhà trường và phương pháp tổ chức các hoạt động dạy học ở nhà trường. Bên cạnh đó, nó cũng phụ thuộc vào khí chất, nét tính cách của HS. Nếu GV thường xuyên quan tâm tổ chức học tập theo nhóm và các tổ chức Đoàn, Hội thường xuyên phát động các phong trào thiết thực cho HS tham gia thì có thể từng bước cải thiện được tâm lý này.

***3.1.5. Bàn luận mục tiêu 1***

Thực trạng tích hợp phát triển KN THXH thông qua tiết học thể dục ở một số trường trung học phổ thông tại Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy tầm quan trọng của các KN này trong quá trình học tập và sự chuẩn bị cho cuộc sống sau này. Các giáo viên khi được phỏng vấn cũng đã đánh giá cao về tầm quan trọng của KN THXH đối với HS và nhận thức được mức độ ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày.

Để cải thiện thực trạng trên, rất cần sự hợp tác chặt chẽ giữa giáo viên, nhà trường và phụ huynh. Việc đầu tư đào tạo giáo viên mạnh về dạy học tích hợp và biết thiết kế chương trình một cách linh hoạt sẽ là bước đệm quan trọng để đảm bảo tiết học thể dục không chỉ mang lại lợi ích về nâng cao sức khỏe mà còn góp phần vào sự phát triển toàn diện của HS, chuẩn bị tốt nhất cho các em trước những thách thức của cuộc sống và công việc sau này.

**Tiểu kết mục tiêu 1**

Kết quả nghiên cứu đã giúp đánh giá được thực trạng dạy học tích hợp KN THXH trong tiết học thể dục tại một số trường phổ thông ở TP.HCM. Cụ thể thực trạng này đã thể hiện chi tiết qua sự quan tâm, mức độ hiểu biết của học sinh và giáo viên về tích hợp KN THXH trong tiết học Thể dục. Đặc biệt là mức độ của học sinh trong từng KN đang được nghiên cứu (QLCX, GQVĐ, LVN) cũng như sự đánh giá của giáo viên đối với học sinh về mức độ của các em trong từng KN này. Đây sẽ là cơ sở để đánh giá chính xác hiệu quả của các bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho HS thông qua tiết học thể dục tại một số trường THPT ở TP.HCM trong mục tiêu 3 của luận án.

3.2. Xây dựng các bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho HS thông qua tiết học thể dục tại một số trường THPT ở TP.HCM

3.2.1. Cơ sở đề xuất bài tập TN

3.2.1.1. Cơ sở pháp lý

3.2.1.2. Cơ sở lý luận

3.2.1.3. Cơ sở thực tiễn

3.2.2. Các nguyên tắc đề xuất bài tập TN

3.2.2.1. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống

3.2.2.2. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa

3.2.2.3. Nguyên tắc đảm bảo tính đồng bộ

3.2.2.4. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi

Các bài tập TN được đề xuất dựa trên cơ sở pháp lý, lý luận, thực tiễn và các nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống, đảm bảo tính kế thừa, đảm bảo tính đồng bộ, đảm bảo tính khả thi.

3.2.3. Các bài tập TN

Để có được các bài tập tích hợp nội dung rèn luyện KN THXH trong tiết Thể dục cho HS THPT sử dụng trong quá trình TN, từ cơ sở đã trình bày ở trên, luận án đưa ra 18 bài tập áp dụng trong 3 phần của 1 tiết học Thể dục: phần khởi động (6 bài tập), phần nội dung chính (6 bài tập), phần kết thúc (6 bài tập). Sau đó tiến hành xin ý kiến đội ngũ chuyên gia bằng công cụ là một phiếu phỏng vấn.

Các chuyên gia tham gia trả lời phỏng vấn là những người có chuyên môn sâu và kinh nghiệm nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực tâm lý, giáo dục nhằm đảm bảo các ý kiến thu được cho đề tài mang giá trị khoa học cao. Sau đây là một số thông tin tổng quát về các chuyên gia.

**Bảng 3.6. Vài nét về khách thể khảo sát chuyên gia (n = 35)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Tần số** | **Tỷ lệ phần trăm (%)** |
| **Giới tính** | Nam | 23 | 65.71 |
| Nữ | 12 | 34.29 |
| **Trình độ** | Cử nhân | 11 | 31.43 |
| Thạc sĩ | 15 | 42.86 |
| Tiến sĩ | 9 | 25.71 |
| Khác  | - | - |
| **Thâm niên** | Dưới 5 năm | 8 | 22.86 |
| 6 - 10 năm | 14 | 40.00 |
| 11 - 15 năm | 10 | 28.57 |
| Trên 15 năm | 3 | 8.57 |

Với những thông tin nói trên, có thể thấy sự đa dạng và phân tán về giới tính, trình độ và thâm niên công tác, đồng thời cho thấy số liệu nghiên cứu có thể mang tính đại diện và tính khách quan ở một mức độ nhất định.

Để thực hiện khảo sát này, luận án đã tiến hành phát phiếu 2 lần, mỗi lần cách nhau 7 ngày nhằm đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy của phỏng vấn, sau đó tiến hành tính hệ số tương quan của kết quả thu được sau 2 lần. Số phiếu phát ra mỗi lần là 35 phiếu, số phiếu thu về là 35 phiếu và cả 35 phiếu đều hợp lệ. Sau khi tổng hợp, xử lý số liệu bằng các thuật toán thống kê thu được kết quả như sau.

3.2.3.1. Đánh giá vai trò của 3 phần trong tiết học Thể dục

Với câu hỏi *“Theo Anh/Chị, ba phần sau trong tiết học Thể dục có vai trò như thế nào?”* kết quả thu được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 3.7. Đánh giá vai trò của 3 phần trong tiết học Thể dục**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần** | **Đánh giá** |
| **Rất quan trọng** | **Quan trọng** | **Bình thường** | **Không quan trọng** | **Không quan trọng** | **Điểm TB** |
| **L1** | **L2** | **L1** | **L2** | **L1** | **L2** | **L1** | **L2** | **L1** | **L2** | **L1** | **L2** |
| Khởi động | 27 | 28 | 7 | 7 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4.74 | 4.80 |
| Bài tập chính | 29 | 28 | 6 | 6 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4.83 | 4.77 |
| Kết thúc | 25 | 24 | 7 | 9 | 3 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4.63 | 4.63 |

Kết quả 2 lần phỏng vấn đã được đánh giá hệ số tương quan cho 3 phần khởi động, bài tập chính và kết thúc tuần tự là r = 0.889, r = 0.883, r = 0.927 tra bảng mức ý nghĩa của hệ số tương quan mẫu, với n = 35 ta có r001 = 0.539 đều nhỏ hơn tất cả r tính. Vậy hệ số tương quan mẫu có ý nghĩa thống kê ở mức α = 0.001 hay có sự trùng hợp và ổn định trong kết quả 2 lần phỏng vấn về vai trò của các phần trong tiết học thể dục. Cả 3 phần trong tiết học thể dục đều được các chuyên gia đánh giá rất quan trọng với điểm trung bình cao.

3.2.3.2. Đánh giá kết quả lồng ghép KN THXH vào 3 phần của Tiết Thể dục

Với câu hỏi “Theo Anh/Chị, việc lồng ghép các bài tập tích hợp KN THXH vào tiết học Thể dục nên được thực hiện trong phần nào?” (được quyền chọn nhiều đáp án) kết quả thu được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 3.8. Đánh giá kết quả việc lồng ghép KN THXH**

**vào 3 phần của tiết học Thể dục**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Phần** | **Tần suất** | **Tỷ lệ % (n = 35)** |
| **L1** | **L2** | **L1** | **L2** | **Trung bình 2 lần** |
| 1 | Khởi động | 27 | 29 | 77.14 % | 82.86 % | 80 % |
| 2 | Bài tập chính | 35 | 35 | 100 % | 100 % | 100 % |
| 3 | Kết thúc | 26 | 27 | 74.29 % | 77.14 % | 75.72 % |

Kết quả 2 lần phỏng vấn đã được đánh giá hệ số tương quan cho 3 phần khởi động, bài tập chính và kết thúc tuần tự là r = 0.836, r = 1, r=0.925 tra bảng mức ý nghĩa của hệ số tương quan mẫu, với n = 35 ta có r001=0.539 đều nhỏ hơn tất cả r tính. Vậy hệ số tương quan mẫu có ý nghĩa thống kê ở mức α = 0.001 hay có sự trùng hợp và ổn định trong kết quả 2 lần phỏng vấn về việc nên áp dụng các bài tập tích hợp phát triển KN THXH vào phần nào trong tiết học thể dục. Kết quả khảo sát cũng cho thấy cả 3 phần trong tiết học thể dục đều được các chuyên gia cho rằng có thể áp dụng các bài tập tích hợp phát triển KN THXH với tỉ lệ lần lượt là: 100 % cho phần bài tập chính, 80 % cho phần khởi động và 75.72 % cho phần kết thúc.

3.2.3.3. Đánh giá Kết quả lựa chọn các bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho HS THPT

**Biểu đồ 3.2. Kết quả lựa chọn các bài tập tích hợp KN THXH**

**của chuyên gia**

Các bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho HS THPT sẽ được lựa chọn để áp dụng trong quá trình TN khi có trên 75 % các chuyên gia được phỏng vấn đồng ý tán thành sau 2 lần phỏng vấn. Như vậy sau bước này đã phải loại bỏ 03 bài tập không đạt được điều kiện như trên bao gồm: *phi thuyền chiến đấu* (chỉ có 61.43 % đồng ý), *chuyền bóng sáu chạm* (chỉ có 64.29 % đồng ý), *cùng nhau kéo dãn* (chỉ có 60% đồng ý). Tất cả được thể hiện trong biểu đồ 3.2 ở trên.

Bên cạnh đó, để đảm bảo tính khách quan, cũng như tránh sự sai sót của cá nhân khi xây dựng và xác định các bài tập, ở mỗi câu hỏi trong phiếu phỏng vấn có thiết kế phần để trống cho các chuyên gia được phỏng vấn có thể bổ sung các bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho HS THPT trong tiết học thể dục mà họ cho là cần thiết. Kết quả thu được một vài *bài tập được đề xuất* nhưng thực tế do số ý kiến tán thành quá ít (chỉ có 10%) nên không thể bổ sung vào hệ thống bài tập được lựa chọn để áp dụng trong TN.

Kết quả 2 lần phỏng vấn lựa chọn các bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho HS THPT cũng đã được đánh giá bằng kiểm định Wilcoxon, cụ thể trong bảng sau đây

**Bảng 3.10. Đánh giá độ tin cậy và tính khách quan**  **kết quả lựa chọn các bài tập của chuyên gia**

| **Stt** | **Nội dung bài tập** | **z** | **Asymp. Sig. (2-tailed)** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Đuổi hình bắt bước | - 1.000 | 0.317 |
| 2 | Chuyển động nhịp nhàng | - 1.000 | 0.317 |
| 3 | Phi thuyền chiến đấu | - 1.000 | 0.317 |
| 4 | Gương kia ngự ở trên tường | - 1.000 | 0.317 |
| 5 | Tản bộ trên giấy | 0.000 | 1.000 |
| 6 | Âm thanh nhẹ nhàng | - 1.000 | 0.317 |
| 7 | Cardio quán tưởng | - 1.000 | 0.317 |
| 8 | Hợp tác cùng bóng | - 1.000 | 0.317 |
| 9 | Chuyền bóng | 0.000 | 1.000 |
| 10 | Chuyền nhanh, nhảy nhanh | 0.000 | 1.000 |
| 11 | Chuyền bóng sáu chạm | - 1.000 | 0.317 |
| 12 | Qua cầu tiếp sức | - 1.000 | 0.317 |
| 13 | Khoảnh khắc tĩnh lặng | - 1.000 | 0.317 |
| 14 | Đồng ý hay không đồng ý | - 1.000 | 0.317 |
| 15 | Xoắn não | - 1.000 | 0.317 |
| 16 | Suy đoán tư thế | - 1.000 | 0.317 |
| 17 | Quả bóng cảm xúc | - 1.000 | 0.317 |
| 18 | Cùng nhau kéo dãn | - 1.414 | 0.157 |
| 19 | Các bài tập được đề xuất | - 1.000 | 0.317 |

Từ kết quả trên, có thể kết luận không có sự khác nhau có ý nghĩa thống kê ứng với việc lựa chọn mỗi bài tâp (p>0.05). Hay có sự ổn định trong kết quả 2 lần phỏng vấn về việc lựa chọn các bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho HS THPT thông qua tiết học Thể dụccủa các chuyên gia.

Như vậy sau quá trình xây dựng, lựa chọn và xin ý kiến chuyên gia đã lựa chọn được 15 bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho HS thông qua tiết học thể dục ở một số trường THPT trên địa bàn TP. HCM. Cụ thể các bài tập như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Đuổi hình bắt bước | 9. Chuyền nhanh, nhảy nhanh |
| 2. Chuyển động nhịp nhàng | 10. Qua cầu tiếp sức |
| 3. Gương kia ngự ở trên tường | 11. Khoảnh khắc tĩnh lặng |
| 4. Tản bộ trên giấy | 12. Đồng ý hay không đồng ý |
| 5. Âm thanh nhẹ nhàng | 13. Xoắn não |
| 6. Cardio quán tưởng | 14. Suy đoán tư thế |
| 7. Hợp tác cùng bóng | 15. Quả bóng cảm xúc |
| 8. Chuyền bóng |

***3.2.4. Bàn luận mục tiêu 2***

Việc xây dựng các bài tập tích hợp phát triển KN THXH trong tiết học thể dục tại các trường THPT ở TP.HCM không chỉ là một xu hướng mà còn là một nhu cầu thiết yếu trong quá trình giáo dục toàn diện cho HS. Quá trình xây dựng các bài tập tích hợp này đã tuân thủ theo một quy trình chuyên nghiệp và chặt chẽ, đảm bảo tính khách quan và tránh sai sót một cách tối đa.

Để tối ưu hóa hiệu quả của việc xây dựng các bài tập tích hợp này thì cần có sự hỗ trợ từ các giáo viên và nhà trường để thiết kế sao cho phù hợp với đặc điểm và nhu cầu của HS. Đồng thời, việc tạo ra một không gian an toàn và đầy đủ để HS có thể thực hiện các bài tập này cũng là yếu tố quan trọng để khuyến khích sự tham gia tích cực và phát triển toàn diện HS.

**Tiểu kết mục tiêu 2**

Việc Xây dựng các bài tập tích hợp phát triển kĩ năng thực hành xã hội cho học sinh thông qua tiết học thể dục tại một số trường trung học phổ thông ở thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện theo một quy trình chuyên nghiệp và chặt chẽ, đảm bảo đúng, đủ những vấn đề về chuyên môn.

Các bài tập được lựa chọn là những bài tập đã được đa số các chuyên gia ủng hộ, trong đó có một số bài quen thuộc đã từng được sử dụng trong thực tế, có một số bài được tổng hợp từ các nghiên cứu để xây dựng mới tuy nhiên việc tích hợp vào trong tiết học thể dục thì có lẽ đây là một trong những sự ứng dụng đầu tiên các bài tập này nhằm phát triển KN THXH cho HS.

3.3. Đánh giá hiệu quả của các bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho HS thông qua tiết học thể dục tại một số trường THPT ở TP.HCM

3.3.1 Tổ chức TN

Luận án đã tiến hành xây dựng 15 bài tập tích hợp phát triển KN THXH trong tiết Thể dục và tiến hành TN tại 4 trường trên địa bàn TP.HCM bao gồm: THPT chuyên Lê Hồng Phong, THPT Nguyễn Du, THPT Lê Quý Đôn, Trung học Thực hành Đại học Sư phạm TP.HCM trong thời gian học kỳ 1 năm học 2019 - 2020.

Phương pháp TN sư phạm được sử dụng là tự đối chiếu (hay còn gọi là so sánh trình tự). Sau quá trình TN, luận án sử dụng bảng hỏi dành cho 2 nhóm khách thể: HS và GV THPT để đánh giá kết quả.

***3.3.2. Xây dựng thang đo (bảng hỏi) để đánh giá hiệu quả các bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho HS thông qua tiết học thể dục***

Qui trình xây dựng bảng hỏi để đưa vào sử dụng được thực hiện qua 4 bước:

• Bước 1: Tổng hợp, phân tích các tài liệu có liên quan, tìm hiểu tình hình thực tế của đơn vị, khách thể cần khảo sát.

• Bước 2: Tham khảo ý kiến các chuyên gia.

• Bước 3: Xây dựng hoàn chỉnh nội dung bảng hỏi.

• Bước 4: Kiểm định độ tin cậy của bảng hỏi bằng Crobach’s Alpha.

Sau bước 1, 2 và 3 bảng hỏi đã được hoàn chỉnh về nội dung. Luận án đã tiến hành kiểm định Cronbach’s Alpha để đánh giá độ tin cậy của bảng hỏi và các biến quan sát, đồng thời thực hiện loại bỏ đối với các biến không đủ độ tin cậy nếu có. Kết quả bước này được thể hiện trong bảng 3.11 và 3.12.

**Bảng 3.11. Tổng hợp kết quả kiểm định Cronbach’s Alpha của thang đo hiệu quả các bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho HS**

**(dành cho HS THPT)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thang đo** | **Số biến quan sát** | **Cronbach’s Alpha** |
| 1 | Câu hỏi về mức độ cần thiết của việc rèn luyện KN THXH được tích hợp trong các bài tập. | 15 | 0.924 |
| 2 | Câu hỏi về mức độ hiệu quả của việc rèn luyện KN THXH được tích hợp trong các bài tập. | 15 | 0.935 |
| 3 | Câu hỏi về mức độ khả thi của việc rèn luyện KN THXH được tích hợp trong các bài tập. | 15 | 0.889 |
| 4 | Câu hỏi về mức độ các biểu hiện thông qua kĩ năng quản lý cảm xúc của học sinh. | 13 | 0.916 |
| 5 | Câu hỏi về cách quản lý cảm xúc của học sinh khi gặp những tình huống cụ thể. | 3 | 0.836 |
| 6 | Câu hỏi về mức độ các biểu hiện thông qua kĩ năng giải quyết vần đề của học sinh. | 15 | 0.954 |
| 7 | Câu hỏi về cách giải quyết vấn đề của học sinh khi gặp những tình huống cụ thể. | 3 | 0.922 |
| 8 | Câu hỏi về mức độ các biểu hiện thông qua kĩ năng làm việc nhóm của học sinh. | 15 | 0.921 |
| 9 | Câu hỏi về cách làm việc nhóm của học sinh khi gặp những tình huống cụ thể. | 3 | 0.876 |
| Hệ số Cronbach’s Alpha của thang đo tổng (bảng hỏi): **0.945** |

Kết quả tiến hành kiểm định hệ số tin cậy nội tại Cronbach’s Alpha của thang đo về hiệu quả các bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho HS (dành cho chính học sinh) cho thấy tất cả các biến quan sát đều có độ tin cậy Cronbach’s Alpha ở mức cao cho tới rất cao từ 0.836 đến 0.954 và hệ số Cronbach’s Alpha tổng của cả thang đo (bảng hỏi) cũng đạt 0.945; Bên cạnh đó hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát đều > 0.3 vậy nên thang đo có độ tin cậy rất cao và chính thức được dùng để đánh giá hiệu quả tích hợp các bài tập phát triển KN THXH của học sinh thông qua giờ học Thể dục gồm 97 biến quan sát, không có biến nào bị loại khỏi thang đo.

**Bảng 3.12. Tổng hợp kết quả kiểm định Cronbach’s Alpha của thang đo hiệu quả các bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho HS**

**(dành cho GV)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thang đo** | **Số biến quan sát** | **Cronbach’s Alpha** |
| 1 | Câu hỏi về mức độ cần thiết của việc rèn luyện KN THXH được tích hợp trong các bài tập. | 15 | 0.956 |
| 2 | Câu hỏi về mức độ hiệu quả của việc rèn luyện KN THXH được tích hợp trong các bài tập. | 15 | 0.919 |
| 3 | Câu hỏi về mức độ khả thi của việc rèn luyện KN THXH được tích hợp trong các bài tập. | 15 | 0.937 |
| 4 | Câu hỏi về mức độ các biểu hiện thông qua kĩ năng quản lý cảm xúc của học sinh. | 13 | 0.917 |
| 5 | Câu hỏi về mức độ các biểu hiện thông qua kĩ năng giải quyết vần đề của học sinh. | 15 | 0.940 |
| 6 | Câu hỏi về mức độ các biểu hiện thông qua kĩ năng làm việc nhóm của học sinh. | 15 | 0.926 |
| Hệ số Cronbach’s Alpha của thang do tổng (bảng hỏi): **0.939** |

Tương tự như trên, kết quả kiểm định Cronbach’s Alpha của thang đo về hiệu quả các bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho HS (dành cho giáo viên) cũng không có biến quan sát nào bị loại bỏ vì tất cả các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng > 0.3; Bên cạnh đó, độ tin cậy Cronbach’s Alpha ở các biến đều rất cao, từ 0.917 đến 0.956 và hệ số Cronbach’s Alpha tổng của cả thang đo (bảng hỏi) cũng đạt 0.939 nên thang đo với 88 biến quan sát này cũng có độ tin cậy rất cao và chính thức được dùng để đánh giá hiệu quả tích hợp các bài tập phát triển KN THXH của học sinh thông qua tiết học Thể dục.

3.3.3. Kết quả TN

3.3.3.1. Vài nét về khách thể TN

3.3.3.2. Kết quả TN các bài tập tích hợp KN THXH trong tiết học Thể dục tại các trường THPT ở TP.HCM (HS đánh giá)

Nhìn chung, HS đã ý thức khá rõ ràng và đầy đủ về tính cần thiết, hiệu quả, khả thi của các bài tập tích hợp vào tiết học thể dục đã áp dụng vào TN nhằm phát triển KN THXH cho HS. Điều này càng được minh chứng rõ ràng qua việc tăng tiến về điểm trung bình của từng yếu tố được đánh giá. Cụ thể là từ mức “cần thiết”, “hiệu quả”, “khả thi” lên thành “rất cần thiết”, “rất hiệu quả”, “rất khả thi”. Điểm trung bình về tính cần thiết, hiệu quả khả thi của 15 bài tập sau TN so với điểm trung bình trước TN đều có giá trị cao hơn với ttính đạt từ 13.09 đến 37.16 và ở ngưỡng p<0.001 (sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê). Thông tin dữ liệu chi tiết thể hiện trong các bảng 3.15, 3.16, 3.17 trong luận án và biểu đồ 3.3.



**Biểu đồ 3.3. So sánh mức độ nhận xét của HS về vai trò**  **của 15 bài tập tích hợp KN THXH trước và sau TN**

***Đánh giá mức độ KN QLCX của HS THPT sau TN***

Điểm trung bình của thực hiện các thao tác sau TN tăng 1.04 điểm (từ 3.57 lên 4.61). Như vậy, theo đánh giá của HS thì khả năng thực hiện các thao tác liên quan đến KN QLCX của HS đều tăng từ mức “khá” lên mức “tốt”. (Bảng 3.18 trong luận án)

Điểm trung bình của HS trong việc lựa chọn phương án giải quyết các tình huống sau TN tăng 0.91 điểm (từ 2.09 lên 3.00). Như vậy, theo đánh giá của HS thì mức độ KN QLCX thông qua giải quyết các tình huống cụ thể của HS tăng từ mức “yếu” lên mức “khá”. (Bảng 3.19 trong luận án)

Tất cả sự khác biệt này đều có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng p < 0.001.

***Đánh giá mức độ KN GQVĐ của HS THPT sau TN***

Về mức độ thực hiện các thao tác liên quan đến KN GQVĐ của HS, ta thấy đã có sự tiến bộ, 13/15 thao tác đều tăng từ mức “khá” lên mức “tốt” và điểm trung bình của thực hiện các thao tác sau TN tăng 0.66 điểm (từ 3.74 lên 4.40). (Xem bảng 3.20 trong luận án)

Về mức độ KN GQVĐ của HS thông qua việc giải quyết các tình huống cụ thể, ta thấy điểm trung bình HS đạt được khi lựa chọn phương án giải quyết các tình huống sau TN tăng 0.56 điểm (từ 2.06 lên 2.62). Như vậy đã tăng từ mức “trung bình” lên mức “tốt”. (Xem bảng 3.21 trong luận án)

Tất cả sự khác biệt này đều có ý nghĩa thống kê, ở ngưỡng p < 0.001.

***Đánh giá mức độ KN LVN của HS THPT sau TN***

Quan sát bảng 3.22 ta thấy điểm trung bình của thực hiện các thao tác sau TN tăng 0.62 điểm (từ 3.73 lên 4.35). Như vậy, theo đánh giá của HS thì khả năng thực hiện các thao tác liên quan đến KN LVN của HS phần lớn đều tăng từ mức “khá” lên mức “tốt” (11/15 thao tác) và có 4/15 thao tác dù có tăng điểm trung bình nhưng vẫn chỉ ở mức “khá”.

Quan sát bảng 3.23 ta thấy điểm trung bình HS đạt được khi lựa chọn phương án giải quyết các tình huống sau TN tăng 0.56 điểm (từ 2.11 lên 2.67). Như vậy, theo đánh giá của HS thì mức độ KN LVN thông qua giải quyết các tình huống cụ thể của HS đã tăng từ mức “trung bình” lên mức “tốt”.

Tất cả sự khác biệt này đều có ý nghĩa thống kê, ở ngưỡng p < 0.001.

*3.3.3.3. Kết quả TN các bài tập tích hợp KN THXH trong tiết học Thể dục tại các trường THPT ở TP.HCM (GV THPT đánh giá)*

Quan sát bảng 3.24, 3.25, 3.26 ta thấy sau quá trình TN điểm trung bình về tính cần thiết, hiệu quả và khả thi của 15 bài tập đều đã có giá trị cao hơn trước TN với tất cả ttính đều lớn hơn tbảng ở ngưỡng p < 0.01. Vậy sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê, hay nói cách khác GV đã đánh giá tốt hơn về tính cần thiết, hiệu quả, khả thi của 15 bài tập tích hợp KN THXH cho HS THPT thông qua tiết học thể dục. Cụ thể đã tăng lên mức “cần thiết”, “khả thi” và “hiệu quả” với điểm trung bình từ 3.29, 3.33 và 3.35 lên 4.10, 4.14 và 4.10, mức điểm này cũng đã tiệm cận rất gần với mức đánh giá cao nhất. (Biểu đồ 3.4)



**Biểu đồ 3.4. So sánh mức độ nhận xét của GV về vai trò**

**của 15 bài tập tích hợp KN THXH trước và sau TN**

***Đánh giá mức độ KN QLCX, GQVĐ và LVN của HS THPT sau TN từ giáo viên***

Ở KN QLCX, điểm trung bình tăng 0.84 điểm (từ 2.89 lên 3.73). Như vậy, theo đánh giá của GV thì khả năng thực hiện các thao tác liên quan đến KN QLCX của HS với 1/13 thao tác “yếu” và 12/13 thao tác “trung bình” đã tăng hết lên mức “khá”. (Bảng 3.27 trong luận án)

Trong KN GQVĐ, khả năng thực hiện các thao tác của HS với 2/15 thao tác “yếu” và 13/15 thao tác “trung bình” đều đã tăng lên mức “khá”. Điểm trung bình sau TN tăng 0.95 điểm (từ 2.76 lên 3.71). (Bảng 3.28)

Với KN LVN, điểm trung bình tăng 1.04 điểm (từ 2.72 lên 3.76). Khả năng thực hiện các thao tác liên quan đến KN LVN của HS với 3/15 thao tác “yếu” và 12/15 thao tác “trung bình” đều đã tăng lên mức “khá”. (Bảng 3.29 trong luận án).Tất cả sự khác biệt này đều có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng p<0.001.

3.3.4. Bàn luận mục tiêu 3

Để đánh giá hiệu quả của các bài tập tích hợp phát triển KN THXH trong tiết học thể dục tại các trường THPT ở TP.HCM, luận án đã thực hiện một qui trình chặt chẽ và có độ tin cậy cao. Sản phẩm của quá trình này là 02 bảng hỏi, mỗi bảng được thiết kế để đánh giá mức độ KN THXH của HS và hiệu quả của việc tích hợp các bài tập

Từ kết quả nghiên cứu, có thể thấy rằng việc tích hợp bài tập phát triển KN THXH trong giờ học thể dục không chỉ mang lại sự tăng trưởng về mặt chất lượng mà còn thúc đẩy nhận thức và động viên HS. Chính ý thức cao của HS về sự cần thiết của các bài tập này đã tạo nên nền tảng vững chắc cho việc tiếp tục phát triển và triển khai chương trình dạy học tích hợp này trong cả hệ thống các trường trung học phổ thông.

Tiểu kết mục tiêu 3

Thông qua quá trình triển khai thực nghiệm các bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho HS thông qua tiết học thể dục ở một số trường THPT trên địa bàn TP.HCM một cách nghiêm ngặt và tuân thủ các yêu cầu chính đáng, cụ thể đã thu được quả như sau: Các nhận định của HS về sự cần thiết, hiệu quả, khả thi của việc tích hợp phát triển KN THXH vào các bài tập trong tiết học Thể dục và mức độ các KN QLCX, GQVĐ, LVN của HS đều có sự tiến bộ rõ rệt từ mức độ “trung bình”, “khá” lên thành “tốt”.

Kết quả đánh giá dành cho lực lượng GV cũng cho thấy sự tăng trưởng này, cụ thể là từ mức “yếu”, “trung bình” lên thành “khá”. Tất cả sự khác biệt này đều có ý nghĩa thống kê.

Có thể thấy được với kết quả thực nghiệm này mức độ các KN QLCX, GQVĐ, LVN của HS đã có sự cải thiện đáng kể góp phần hoàn thiện việc giáo dục toàn diện học sinh trong đó chú trọng phát triển các năng lực theo xu hướng giáo dục trong thời đại mới.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

**A. KẾT LUẬN**

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, luận án rút ra những kết luận sau đây:

1. Thực trạng việc dạy học tích hợp KN THXH trong tiết học thể dục tại các trường THPT hiện nay:

- Tỉ lệ HS không biết rõ về dạy học tích hợp còn cao. Có tới 39.2% HS chưa bao giờ được học theo phương pháp dạy học tích hợp nhiều nội dung trong một tiết học thể dục, đặc biệt là nội dung KN THXH.

- Kết quả phỏng vấn GV cũng tương tự khi có 3/4 GV được hỏi cho biết không có sử dụng phương pháp dạy học tích hợp nội dung KN THXH trong tiết thể dục.

- HS đã ý thức khá rõ ràng và đầy đủ về vai trò của KN THXH khi cho rằng KN THXH có vai trò “quan trọng” đối với sự thành công của con người và đa số các GV được hỏi đều đánh giá cao tầm quan trọng của KN THXH.

2.Để có được các bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho HS, luận án đã căn cứ vào cơ sở pháp lý, cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn và các nguyên tắc để xây dựng các bài tập. Trải qua quá trình lựa chọn, xin ý kiến chuyên gia cũng như kiểm tra độ tin cậy của kết quả xin ý kiến đó, luận án đã lựa chọn được 15 bài tập.

3.Kết quả TN các bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho HS thông qua tiết học thể dục ở một số trường THPT trên địa bàn TP.HCM cho thấy: nhận định của HS về tính cần thiết, hiệu quả, khả thi của việc tích hợp phát triển KN THXH vào các bài tập trong tiết học Thể dục và mức độ các KN QLCX, GQVĐ, LVN của HS đều có sự tăng tiến rõ rệt từ mức “trung bình”, “khá” lên thành “tốt”. Kết quả đánh giá của GV cũng cho thấy sự tăng trưởng này, cụ thể là từ mức “yếu”, “trung bình” lên thành “khá”. Tất cả sự khác biệt này đều có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất cao p<0.05 và p<0.001.

**B. KIẾN NGHỊ**

1. Các bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho HS thông qua tiết học thể dục của luận án có đủ cơ sở thực tiễn đáng tin cậy. Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM có thể xem xét để áp dụng tại các trường THPT trên địa bàn nhằm phát triển KN QLCX, GQVĐ và LVN cho HS.

2. Cần nghiên cứu thêm vấn đề này ở phạm vi lớn hơn để tiến tới việc xây dựng hoàn chỉnh hệ thống bài tập tích hợp phát triển KN THXH cho HS THPT trong cả nước.

3. Các Trườngcần tăng cường đầu tư về kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị mới nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động giáo dục KN THXH. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho GV về dạy học tích hợp và phương pháp dạy KN THXH, đặc biệt khuyến khích GV Thể dục tích cực tham gia.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Huỳnh Trung Phong. Thực trạng dạy học tích hợp kĩ năng thực hành xã hội cho học sinh thông qua tiết học thể dục tại một số trường THPT ở TP.HCM, *Tạp chí Khoa học* *Trường Đại học Sư phạm TP.HCM*, trang 1467-1474, tập 17, số 8/2020.

2. Huỳnh Trung Phong, Chu Thị Bích Vân. Lựa chọn các bài tập tích hợp phát triển kĩ năng thực hành xã hội cho học sinh thông qua tiết học thể dục tại một số trường THPT ở TP.HCM, *Tạp chí Khoa học và Đào tạo TDTT* *Trường Đại học Thể dục Thể thao TP.HCM*, số 01/2021.

3. Huỳnh Trung Phong, Huỳnh Văn Sơn. Đánh giá hiệu quả các bài tập tích hợp phát triển kĩ năng thực hành xã hội cho học sinh thông qua tiết học thể dục tại một số trường THPT ở TP.HCM, *Tạp chí Khoa học và Đào tạo TDTT* *Trường Đại học Thể dục Thể thao TP.HCM*, số 04/2023.